ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 425 /KH-UBND	*Tuyên Quang, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Thực hiện Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026; Văn bản số 8050/BKHCN-TTĐ ngày 14/10/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch tổng thể đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026; tiếp tục triển khai Văn bản số 2600/UBND-KH&CĐS ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá thực chất mức độ hoàn thành mục tiêu, kết quả, hiệu quả và tác động của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; xác định những hạn chế, nguyên nhân, khó khăn, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

Cung cấp căn cứ phục vụ xây dựng, điều chỉnh chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình; xác định nhiệm vụ ưu tiên, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực, nhất là ngân sách nhà nước năm 2027; xem xét việc tổ chức, hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định.

Thực hiện trách nhiệm báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ; từng bước hình thành dữ liệu đánh giá thống nhất, phục vụ công tác quản lý, theo dõi và nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Yêu cầu

Bảo đảm độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch về phương pháp, dữ liệu và kết quả đánh giá theo quy định; áp dụng thống nhất tiêu chí,

khung hướng dẫn tại Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Sử dụng khung logic Input - Output - Outcome - Impact (IOOI) để đánh giá từ nguồn lực đầu vào, sản phẩm đầu ra, kết quả ứng dụng đến tác động kinh tế - xã hội. Kết luận đánh giá phải có số liệu, tài liệu kiểm chứng; làm rõ kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu được giao, không chỉ tổng hợp số lượng nhiệm vụ hoặc kinh phí thực hiện.

Kế thừa kết quả rà soát, báo cáo và dữ liệu đã có; phân công rõ trách nhiệm, sản phẩm và thời hạn hoàn thành; bảo đảm tiết kiệm, tránh trùng lặp. Phân biệt số liệu thực hiện, số liệu ước thực hiện và kết quả chưa đủ cơ sở đánh giá; không tự xác định kết quả khi thiếu dữ liệu.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ DỮ LIỆU ĐÁNH GIÁ

1. Phạm vi, đối tượng đánh giá

Rà soát, đánh giá các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, gồm: chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Danh mục cụ thể được xác định trên cơ sở rà soát văn bản đã ban hành, tình hình thực hiện, kỳ đánh giá của từng đối tượng và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đối với nhóm không có đối tượng thuộc phạm vi quản lý hoặc chưa đến kỳ đánh giá, nêu rõ trong báo cáo và xác định nội dung theo dõi, chuẩn bị dữ liệu cho kỳ tiếp theo.

2. Thời kỳ và dữ liệu phục vụ đánh giá

Đối với chiến lược, chính sách, kế hoạch và chương trình: Sử dụng số liệu theo thời kỳ thực hiện và kỳ đánh giá tương ứng; kế thừa kết quả giai đoạn 2021 - 2025, cập nhật kết quả năm 2026 để phân tích mức độ hoàn thành mục tiêu, xu hướng và tác động khi phù hợp. Kết quả giai đoạn 2021 - 2025 và kết quả năm 2026 được tổng hợp, trình bày riêng. Báo cáo phục vụ đợt tổng hợp này sử dụng số liệu thực hiện đến ngày 31/10/2026 và ước thực hiện cả năm 2026; tiếp tục cập nhật thông tin, số liệu trong quá trình hoàn thiện báo cáo. Số liệu ước thực hiện phải ghi rõ căn cứ và phương pháp ước tính.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Xác định kỳ đánh giá và chuỗi số liệu minh chứng theo Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN; làm rõ kết quả hoạt động năm 2025 và tình hình năm 2026 phục vụ xem xét kế hoạch, nhiệm vụ, kinh phí năm 2027.

Dữ liệu phục vụ đánh giá gồm văn bản phê duyệt, giao nhiệm vụ, giao dự toán; báo cáo thực hiện; số liệu thống kê, tài chính, nhân lực; hồ sơ nghiên cứu, nghiệm thu, chuyển giao, ứng dụng; thông tin từ tổ chức, doanh nghiệp thụ hưởng; báo cáo tóm tắt mô hình/sáng kiến nổi bật nhất trong năm và các nguồn thông tin

hợp pháp khác. Đối với từng chỉ tiêu, xác định rõ mục tiêu được giao, kết quả thực hiện, đơn vị tính, thời kỳ số liệu, phương pháp tính, nguồn cung cấp và tài liệu minh chứng tương ứng. Trường hợp chưa có số liệu hoặc chưa đủ cơ sở đánh giá, phải nêu rõ tình trạng, nguyên nhân và phương án bổ sung.

Đối với số liệu trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, các cơ quan, đơn vị, địa phương kế thừa hồ sơ, dữ liệu của hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang trước sắp xếp, tổng hợp theo phạm vi quản lý hiện nay; thuyết minh những thay đổi về địa bàn, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp tổng hợp để bảo đảm khả năng đối chiếu, không bỏ sót hoặc tổng hợp trùng lặp số liệu.

Các cơ quan, đơn vị đang quản lý, lưu trữ hồ sơ, dữ liệu có trách nhiệm phối hợp cung cấp, đối chiếu thông tin theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ và UBND các xã, phường có liên quan. Trường hợp hồ sơ, số liệu chưa được bàn giao, tiếp nhận hoặc chưa đủ căn cứ đối chiếu, cơ quan báo cáo phải nêu rõ tình trạng, nguyên nhân và phương án bổ sung.

III. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Rà soát chiến lược thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; trường hợp triển khai chiến lược quốc gia thông qua kế hoạch của tỉnh, đánh giá nội dung thực hiện tại kế hoạch tương ứng và tổng hợp kết quả phục vụ đánh giá chiến lược, tránh đánh giá trùng cùng một nội dung.

Nội dung tập trung vào mức độ hoàn thành mục tiêu; đóng góp đối với phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, hoàn thiện chính sách và nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; sự phù hợp của định hướng ưu tiên, nguồn lực và giải pháp thực hiện. Tiêu chí và phương pháp áp dụng theo Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN.

2. Đánh giá chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Rà soát các chính sách thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; xác định mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, thời gian áp dụng, nguồn lực thực hiện và kết quả triển khai. Đánh giá tính khả thi, đầy đủ, đồng bộ của chính sách; sự phối hợp trong thực hiện; khả năng huy động, sử dụng nguồn lực; hiệu quả ưu đãi, hỗ trợ và tác động đối với tổ chức, doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

Làm rõ mức độ tiếp cận chính sách, khó khăn, vướng mắc, rủi ro và nguyên nhân; đề xuất tiếp tục thực hiện, sửa đổi, bổ sung hoặc xử lý theo thẩm quyền. Tiêu chí và phương pháp áp dụng theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN; lựa chọn thời điểm đánh giá phù hợp với yêu cầu quản lý và điều chỉnh chính sách.

3. Đánh giá kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Rà soát kế hoạch giai đoạn và kế hoạch hằng năm thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, kế thừa các báo cáo đã có, tập trung đánh giá kết quả thực hiện năm 2026 và những nội dung liên

quan phục vụ xây dựng, điều chỉnh kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030, kế hoạch năm 2027.

Đánh giá mức độ hoàn thành từng mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ; kết quả huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực; sản phẩm, kết quả ứng dụng và đóng góp đối với kinh tế, xã hội, môi trường, chính sách, năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phân tích nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân và khả năng thực hiện; đề xuất điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ ưu tiên và bố trí nguồn lực phù hợp.

Nội dung đánh giá được cụ thể hóa theo hai nhóm chỉ tiêu: chỉ tiêu đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; chỉ tiêu đánh giá hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn lựa chọn, cụ thể hóa bộ chỉ tiêu theo Phụ lục I và Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi quản lý và đặc thù hoạt động của tỉnh.

Việc đánh giá gắn với tiến độ xây dựng, hoàn thiện kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2027; kết quả thực hiện năm 2026 được tiếp tục cập nhật khi có số liệu đầy đủ.

4. Đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Rà soát các chương trình sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; xác định rõ cơ quan chủ trì, mục tiêu, nội dung, thời gian, kinh phí, sản phẩm và giai đoạn đánh giá phù hợp. Thực hiện đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ hoặc đánh giá tác động phù hợp với thời điểm, điều kiện của từng chương trình và các quy định, hướng dẫn có liên quan.

Nội dung đánh giá tương ứng với từng giai đoạn, tập trung vào tính khả thi; tiến độ, mức độ hoàn thành mục tiêu, sản phẩm; chất lượng kết quả, hiệu quả sử dụng nguồn lực; khả năng ứng dụng, nhân rộng và tác động. Tiêu chí và phương pháp áp dụng theo Phụ lục I và Phụ lục V kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN. Trường hợp chưa phát sinh chương trình đến kỳ đánh giá, tổng hợp rõ tình trạng, thời điểm dự kiến và yêu cầu chuẩn bị dữ liệu.

5. Đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Rà soát các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh, theo chức năng nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, nghiên cứu chính sách - xã hội hoặc dịch vụ khoa học và công nghệ; xác định danh mục, loại hình và cơ quan quản lý để tổ chức đánh giá phù hợp.

Đánh giá quá trình hoạt động, kết quả, hiệu quả và tác động; đối chiếu với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và đặc thù lĩnh vực của từng tổ chức. Việc đánh giá, xếp loại thực hiện theo Điều 49, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 262/2025/NĐ-CP, Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; bảo đảm áp dụng tiêu chí phù hợp với chức năng, loại hình hoạt động của tổ chức.

Việc đánh giá, xếp loại tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, tiêu chí, phương pháp và thẩm quyền theo quy định; kết quả đánh giá, xếp loại phải được xác định trên cơ sở hồ sơ, số liệu và tài liệu minh chứng phù hợp với kỳ đánh giá, không sử dụng kết quả báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thay thế cho kết quả đánh giá, xếp loại theo quy định.

Đối với tổ chức được thành lập, hợp nhất, tổ chức lại sau sắp xếp, thuyết minh quá trình kế thừa nhiệm vụ, nhân lực, tài sản và dữ liệu của các đơn vị trước sắp xếp. Trường hợp có khó khăn về kỳ số liệu hoặc điều kiện đánh giá, Sở Khoa học và Công nghệ trao đổi với cơ quan chuyên môn của Bộ để thống nhất cách thực hiện trước khi kết luận, xếp loại.

6. Phương pháp và hình thức tổ chức đánh giá

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức đánh giá bảo đảm điều kiện, thẩm quyền theo quy định tại Điều 50 và Điều 52 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan; bảo đảm tính độc lập, khách quan, trung thực, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng đối tượng đánh giá.

Kết hợp phân tích hồ sơ, số liệu thống kê, đối chiếu mục tiêu với kết quả thực hiện, so sánh theo thời gian và ý kiến chuyên gia (nếu có); khảo sát, phỏng vấn hoặc kiểm tra thực tế khi cần thiết. Việc đánh giá phải xác định rõ phương pháp, nguồn dữ liệu, tài liệu minh chứng và giới hạn của từng nhận định; tuân thủ quy định về bảo mật, quản lý và sử dụng thông tin.

Đối với các đối tượng chưa đủ thời gian hoặc điều kiện để đánh giá tác động, tập trung đánh giá kết quả đầu ra, kết quả ứng dụng bước đầu và khả năng tạo tác động; xác định nội dung, chỉ tiêu cần tiếp tục theo dõi, đánh giá trong kỳ tiếp theo.

IV. TRÌNH TỰ, TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM THỰC HIỆN

1. Rà soát danh mục, hướng dẫn và chuẩn bị đánh giá

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì rà soát, hoàn thiện danh mục đối tượng đánh giá; xác định cụ thể tên chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình và tổ chức thuộc diện đánh giá; văn bản phê duyệt hoặc thành lập; thời kỳ thực hiện, kỳ đánh giá, cơ quan đầu mối, tiêu chí áp dụng và phương thức tổ chức đánh giá.

Ngay sau khi Kế hoạch được ban hành, Sở Khoa học và Công nghệ khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026 trên cơ sở các phụ lục kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trường hợp cần thiết, tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ cho đầu mối các cơ quan, đơn vị, địa phương, ưu tiên hình thức trực tuyến. Nội dung hướng dẫn xác định rõ đối tượng, nội dung, tiêu chí áp dụng, thời kỳ số liệu, phương pháp đánh giá, đề cương báo cáo, biểu mẫu, yêu cầu tài liệu minh chứng và trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Thu thập, kiểm tra dữ liệu và tổ chức đánh giá

Các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức thuộc diện đánh giá gửi báo cáo, số liệu, hồ sơ minh chứng về Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất ngày 24/11/2026. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, đối chiếu, chuẩn hóa dữ liệu; yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, hoàn thành bước kiểm tra chậm nhất ngày 27/11/2026; tổ chức đánh giá và hoàn thiện kết quả theo từng đối tượng chậm nhất ngày 30/11/2026.

3. Tổng hợp, hoàn thiện, phê duyệt và gửi báo cáo

Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch và kết quả đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026, trình UBND tỉnh phê duyệt chậm nhất ngày 06/12/2026. Báo cáo phải thể hiện mục tiêu, phạm vi, nội dung, phương pháp, dữ liệu, kết quả, kết luận, kiến nghị; kèm danh mục đối tượng, bảng đối chiếu chỉ tiêu và hồ sơ minh chứng cần thiết.

Sau khi UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kết quả đánh giá theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Cục Thông tin, Thống kê và Đánh giá khoa học) bảo đảm trước ngày 15/12/2026 theo Văn bản số 8050/BKHCN-TTĐ.

4. Công khai, cập nhật và sử dụng kết quả

Công bố, cập nhật thông tin, dữ liệu, báo cáo đã được phê duyệt trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan chủ trì đánh giá và hệ thống thông tin theo quy định, hướng dẫn của Bộ; thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và thông tin thuộc phạm vi hạn chế công khai.

Sử dụng kết quả đánh giá để tham mưu hoàn thiện chính sách, điều chỉnh kế hoạch, nhiệm vụ và phương án bố trí nguồn lực; xem xét việc tổ chức, hoạt động, phân bổ kinh phí đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Điều 53 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP và quy định có liên quan. Theo dõi, đôn đốc thực hiện kiến nghị; tiếp tục cập nhật kết quả năm 2026 khi kết thúc năm và theo yêu cầu của Bộ, UBND tỉnh.

(Có Phụ lục phân công nhiệm vụ và tiến độ thực hiện kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước chi cho quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát khả năng bố trí trong dự toán được giao, lập dự toán theo phạm vi, nội dung, phương pháp, khối lượng công việc; trường hợp cần bổ sung kinh phí, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét theo phân cấp và khả năng cân đối ngân sách.

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước, Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều

của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp nội dung chi.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối, chủ trì triển khai Kế hoạch; ban hành văn bản hướng dẫn, đề cương báo cáo và biểu mẫu đánh giá; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; tổng hợp danh mục đối tượng, thu thập, đối chiếu dữ liệu và tổ chức đánh giá; trình UBND tỉnh phê duyệt, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ đúng thời hạn. Chủ động trao đổi với cơ quan chuyên môn của Bộ để được hướng dẫn, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Bố trí nhân lực có chuyên môn; tổ chức tư vấn, hội đồng đánh giá khi cần thiết theo thẩm quyền; lập dự toán và sử dụng kinh phí đúng quy định. Quản lý, lưu trữ hồ sơ, cập nhật, công bố kết quả; phối hợp Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan tham mưu sử dụng kết quả đánh giá, theo dõi việc thực hiện kiến nghị.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và điều kiện của địa phương; lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện một số chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai Kế hoạch theo quy định nhằm bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp cung cấp, xác minh thông tin về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc và việc sắp xếp các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; phối hợp nghiên cứu, tham mưu xử lý kiến nghị về tổ chức, nhân lực trên cơ sở kết quả đánh giá và quy định có liên quan.

4. Thống kê tỉnh

Phối hợp cung cấp, rà soát, đối chiếu số liệu thống kê thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn khai thác, sử dụng nguồn số liệu thống kê chính thức, phương pháp tính và khả năng so sánh đối với các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, năng suất lao động và các chỉ tiêu thống kê có liên quan phục vụ đánh giá theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ. Việc cung cấp, sử dụng số liệu thực hiện theo quy định về công tác thống kê và trên cơ sở nguồn số liệu hiện có. Đối với số liệu chuyên ngành do các cơ quan, đơn vị khác quản lý, cơ quan cung cấp số liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin thuộc phạm vi quản lý; Thống kê tỉnh phối hợp đối chiếu khi có liên quan.

5. Các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chỉ đạo rà soát đối tượng, nội dung thuộc phạm vi quản lý; phân công lãnh đạo phụ trách và đầu mối chuyên môn; cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời báo cáo, dữ liệu, tài liệu kiểm chứng theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin do cơ quan, đơn vị mình cung cấp.

Đối với nội dung liên quan nhiều cơ quan, đơn vị, cơ quan được giao đầu mối có trách nhiệm phối hợp, thống nhất số liệu trước khi gửi báo cáo; chủ động giải trình, bổ sung thông tin, phối hợp khảo sát, kiểm tra và thực hiện kiến nghị sau đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Chủ tịch UBND các xã, phường phân công lãnh đạo phụ trách và đầu mối chuyên môn; chỉ đạo rà soát, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nội dung chuyển đổi số có liên quan được giao tại địa phương; cung cấp thông tin, số liệu, hồ sơ minh chứng thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý theo đề cương, biểu mẫu và hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ; chịu trách nhiệm về thông tin do địa phương cung cấp.

Trường hợp không có đối tượng đánh giá, không phát sinh nội dung, chưa có số liệu hoặc nội dung không thuộc phạm vi quản lý, nêu rõ tình trạng, nguyên nhân trong báo cáo; không tự xác định số liệu khi chưa có căn cứ. Chủ động phối hợp với cơ quan liên quan để rà soát, bổ sung dữ liệu; giải trình thông tin, phối hợp khảo sát, kiểm tra, phổ biến kết quả và thực hiện kiến nghị sau đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền.

7. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ quan quản lý trực tiếp

Các tổ chức thuộc diện đánh giá chuẩn bị báo cáo theo tiêu chí áp dụng, cung cấp hồ sơ minh chứng, giải trình kết quả và phối hợp trong quá trình đánh giá. Cơ quan quản lý trực tiếp rà soát danh mục, xác nhận thông tin thuộc trách nhiệm quản lý, phối hợp tổ chức đánh giá và triển khai kiến nghị theo thẩm quyền.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Thống kê tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các tổ chức KH&CN công lập thuộc tỉnh;
- Lưu: VT, KH&CĐS (Phương).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Đỗ Hùng Đức

PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ và tiến độ đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 425 /KH-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm
1	Ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá năm 2026; xác định tiêu chí áp dụng, thời kỳ số liệu, đề cương báo cáo, biểu mẫu và yêu cầu tài liệu minh chứng theo từng nhóm đối tượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Chậm nhất ngày 10/11/2026	Văn bản hướng dẫn; đề cương báo cáo, biểu mẫu và yêu cầu tài liệu minh chứng theo từng nhóm đối tượng.
2	Rà soát đối tượng; xác định danh mục, kỳ đánh giá, nguồn dữ liệu và phương thức tổ chức	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan quản lý, chủ trì thực hiện; tổ chức KH&CN công lập	Chậm nhất ngày 10/11/2026	Danh mục đối tượng và yêu cầu đánh giá; nêu rõ nhóm không phát sinh hoặc chưa đến kỳ.
3	Lập báo cáo, cung cấp số liệu và tài liệu minh chứng theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ; cung cấp báo cáo tóm tắt mô hình/sáng kiến nổi bật nhất trong năm	Các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức thuộc diện đánh giá	Sở Khoa học và Công nghệ; cơ quan quản lý trực tiếp	Chậm nhất ngày 24/11/2026	Báo cáo, bảng dữ liệu theo chỉ tiêu và hồ sơ minh chứng; thuyết minh số liệu kế thừa.
4	Kiểm tra, đối chiếu, chuẩn hóa dữ liệu; yêu cầu giải trình, bổ sung; khảo sát thực tế khi cần.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan cung cấp dữ liệu; Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh và đơn vị liên quan	Chậm nhất ngày 27/11/2026	Dữ liệu đã đối chiếu; kết quả kiểm tra, giải trình; xác định dữ liệu còn thiếu.
5	Đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình và tổ chức công lập theo danh mục, kỳ đánh giá.	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị chuyên môn; tổ chức tư vấn hoặc Hội đồng tư vấn đánh giá; đơn vị liên quan	Chậm nhất ngày 30/11/2026	Báo cáo kết quả theo đối tượng; nhận xét theo tiêu chí, kết luận và kiến nghị.
6	Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch và kết quả đánh giá; hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Chậm nhất ngày 06/12/2026	Tờ trình, dự thảo báo cáo, phụ biểu kết quả và tài liệu kiểm chứng cần thiết.

7	Phê duyệt Báo cáo đánh giá	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; cơ quan, đơn vị liên quan	Trước ngày 12/12/2026	Báo cáo kết quả đánh giá được UBND tỉnh phê duyệt.
8	Gửi Báo cáo đánh giá đến Bộ Khoa học và Công nghệ qua Cục Thông tin, Thống kê và Đánh giá khoa học.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Trước ngày 15/12/2026	Báo cáo đánh giá được gửi.
9	Công bố, cập nhật dữ liệu, báo cáo được phê duyệt; lưu trữ hồ sơ và theo dõi thực hiện kiến nghị.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Sau khi phê duyệt và theo quy định, hướng dẫn của Bộ	Thông tin, dữ liệu được cập nhật; hồ sơ đánh giá; kết quả thực hiện kiến nghị.
10	Sử dụng kết quả đánh giá trong tham mưu kế hoạch, ngân sách năm 2027, tổ chức và nhân lực theo thẩm quyền.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Nội vụ theo chức năng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Gắn với tiến độ kế hoạch, ngân sách và quyết định của cấp có thẩm quyền	Đề xuất điều chỉnh chính sách, nhiệm vụ, nguồn lực và tổ chức, hoạt động theo quy định.